

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2021/DS-ST
Ngày: 08-03-2021.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị P Dung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Lưu Quốc Đạt.

Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Minh P, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố T, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2020 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp AL, xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp LM, xã PT, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2020, ngày 11/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ngô Minh P và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q trình bày: Anh P có cho chị T mượn tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng, các lần mượn tiền có viết biên nhận như sau:

- Ngày 25/10/2016 mượn số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận miệng khi nào cần tiền thì chị Tuyền trả.

- Ngày 16/01/2017 mượn số tiền 90.000.000 đồng, thỏa thuận trả lần 01 vào ngày 01 tây; lần 02 vào ngày 16 tây tháng sau.

- Ngày 24/9/2017 mượn số tiền 120.000.000 đồng, thỏa thuận trong vòng 03 tháng sẽ trả.

- Ngày 29/5/2017 mượn số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận miệng khi nào cần tiền thì chị Tuyền trả

Các biên nhận nêu trên do chị T tự viết và ký tên. Anh P đã giao đủ số tiền trên cho chị T tại từng thời điểm mượn, trong từng lần mượn tiền hai bên có thỏa thuận về thời hạn trả tiền, lãi suất thỏa thuận là 3%/năm. Từ lúc vay đến nay chị T chưa trả khoản lãi nào và cũng chưa trả vốn. Tháng 01/2020, anh P nhiều lần yêu cầu chị T trả nhưng chị Tuyền hẹn lần hẹn lựa không trả nợ.

Nay anh P yêu cầu chị T trả cho anh P số tiền vốn 300.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả đối với số tiền 120.000.000 đồng mượn ngày 24/9/2017, tính lãi từ ngày 24/9/2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, lãi suất 10%/năm; các khoản tiền khác anh P không yêu cầu chị T trả lãi. Yêu cầu chị T trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị T vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

* Người làm chứng anh Nguyễn Thanh T1 trình bày: Anh có mở quán café HP ở xã ĐT, thành phố T, tỉnh Tiền Giang. Chị T là khách thường xuyên của quán. Anh P là bạn của anh. Chị T khi đến uống café tại quán có hỏi mượn tiền và nhờ hỏi dùm có ai để chị T vay với lãi suất thấp. Anh có giới thiệu anh P cho chị T. Ngày 24/9/2017 anh, chị T và anh P có mặt tại nhà anh P, chị T tự mình viết và ký tên vào biên nhận. Nội dung là mượn của anh P số tiền 120.000.000 đồng hẹn trong vòng 03 tháng sẽ trả. Sau khi chị T viết xong biên nhận thì anh P giao tiền cho chị T. Giữa anh P và chị T vay có thỏa thuận lãi nhưng anh không nhớ là lãi suất bao nhiêu. Ngoài ra anh không cung cấp gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị Kim T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người làm chứng anh Nguyễn Thanh T1 có đơn xin vắng mặt và đã có lời khai. Căn cứ theo quy định tại Điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của anh Ngô Minh P thì anh P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Kim T phải trả cho anh số tiền vốn vay chưa trả là 300.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Kim T hiện cư trú tại ấp AL, xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

[2.1.1] Theo nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh Ngô Minh P có cho chị T vay 04 lần tiền, có viết biên nhận, cụ thể như sau:

- Ngày 25/10/2016 mượn số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 16/01/2017 mượn số tiền 90.000.000 đồng.
- Ngày 24/9/2017 mượn số tiền 120.000.000 đồng.
- Ngày 29/5/2017 mượn số tiền 60.000.000 đồng.

Các biên nhận nêu trên theo đại diện ủy quyền của nguyên đơn khai là do chị T tự viết và ký tên. Chị T viết biên nhận tại nhà anh P và sau khi chị T viết biên nhận xong thì anh P giao tiền ngay cho chị T. Về thời hạn trả: Tại biên nhận ngày 25/10/2016 và ngày 29/5/2017, anh P và chị T thỏa thuận miệng khi nào anh P cần tiền thì chị T phải trả tiền; Biên nhận ngày 16/01/2017 thỏa thuận trả lần 01 vào ngày 01 tây và lần 02 vào ngày 16 tây tháng sau; biên nhận ngày 24/9/2017 thỏa thuận trả trong vòng 03 tháng. Các lần mượn tiền nêu trên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/năm. Từ lúc vay đến nay chị T chưa trả khoản lãi nào và cũng chưa trả vốn. Tháng 01/2020, anh P nhiều lần yêu cầu chị T trả nhưng chị T hèn lần hèn lựa không trả nợ.

[2.1.2] Căn cứ vào các biên nhận ngày 25/10/2016, ngày 16/01/2017, ngày 24/9/2017 và ngày 29/5/2017 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký, chữ viết của chị T và lời khai của người làm chứng anh T1 thể hiện chị T có vay của anh P số tiền là 300.000.000 đồng. Căn cứ theo các biên nhận mượn tiền và lời khai của anh P, anh T1 thì các lần vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng khi đến hạn trả nợ anh P đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng chị T không thực hiện. Do đó, việc chị T vay tiền của anh P nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của anh P về việc buộc chị T trả số tiền nợ vay 300.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.3] Chị T vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

[2.2.1] Nguyên đơn anh Ngô Minh P không yêu cầu tính lãi đối với các biên nhận ngày 25/10/2016, ngày 16/01/2017 và ngày 29/5/2017 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.2.2] Theo nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 24/9/2017 chị T vay của anh P số tiền 120.000.000 đồng thỏa thuận trong vòng 03 tháng sẽ trả, mặc dù không ghi cụ thể lãi suất vay nhưng theo lời trình bày của anh P giữa anh và chị T có thỏa thuận miệng việc trả lãi hàng tháng, lãi suất 3%/tháng; từ lúc vay đến nay chị T chưa trả vốn và lãi cho anh. Xét thấy trong suốt quá trình vay, chị T không có trả vốn và lãi cho anh P theo thỏa thuận nên chị T phải có nghĩa vụ trả lãi cho anh P là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh P.

Về lãi suất và thời gian chậm trả: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc chị T trả lãi trên số tiền vốn 120.000.000 đồng tính từ ngày 24/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0,833%/tháng.

Thời gian chị T chậm trả từ ngày 24/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/03/2021) là 38 tháng 12 ngày, số tiền lãi được tính như sau: 120.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 38 tháng 12 ngày = 38.385.000 đồng.

[2. 3] Như vậy, số tiền gốc và tiền lãi chị T phải trả cho anh P là 338.385.000 đồng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Ngô Minh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Minh P.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho anh Ngô Minh P số tiền là 338.385.000 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho anh Ngô Minh P số tiền 7.999.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0004275 ngày 19/10/2020 và Biên lai thu tạm ứng số 0004452 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 16.919.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Ngô Minh P và chị Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị P Dung